

Số: 33/KH-UBND

Hải An, ngày 16 tháng 01 năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn phường Hải An năm 2026

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW) và Nghị quyết 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW; Nghị quyết 193/2025/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch hành động số 12-KH/TU ngày 26/8/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 09/6/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc “Thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo (ĐMST) và Chuyển đổi số (CĐS) quốc gia; Kế hoạch số 335/KH-UBND ngày 18/12/2025 của UBND thành phố về tổng thể nâng cao năng suất và chất lượng dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của thành phố Hải Phòng giao đoạn 2026-2030; Kế hoạch số 350/KH-UBND ngày 30/12/2025 của UBND thành phố về Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng năm 2026; Kế hoạch số 358/KH-UBND ngày 31/12/2025 của UBND thành phố về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia năm 2026; Kế hoạch số 359/KH-UBND ngày 31/12/2025 của UBND thành phố Kế hoạch Chuyển đổi số thành phố Hải Phòng năm 2026.

Tiếp tục triển khai các Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 08/9/2025 của UBND phường Hải An về thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn phường Hải An; Kế hoạch 82/KH-UBND ngày 09/9/2025 của UBND phường Hải An về ứng dụng công nghệ thông tin và Chuyển

đôi số 6 tháng cuối năm 2025; Kế hoạch số 08-KH/ĐU ngày 04/9/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Ủy ban nhân dân phường Hải An xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức triển khai đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả các chương trình, nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tập trung triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết 71/NQ-CP, Nghị quyết 193/2025/QH15, Kế hoạch hành động số 12-KH/TU, Kế hoạch số 142/KH-UBND, Kế hoạch số 335/KH-UBND, Kế hoạch số 350/KH-UBND, Kế hoạch số 358/KH-UBND, Kế hoạch số 359/KH-UBND, Kế hoạch số 08-KH/ĐU, Kế hoạch số 79/KH-UBND, Kế hoạch 82/KH-UBND bảo đảm thống nhất về mục tiêu, nội dung và lộ trình triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính, KHCN, ĐMST và CDS.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo tinh thần Nghị quyết 71/NQ-CP, Nghị quyết 193/2025/QH15, Kế hoạch hành động số 12-KH/TU; Qua đó góp phần hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội năm 2026 và giai đoạn 2026-2030, nâng cao năng lực cạnh tranh và chất lượng tăng trưởng của phường.

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các phòng quản lý nhà nước và các đơn vị, cơ quan thuộc phường; Nâng cao trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, đặc biệt là người đứng đầu trong triển khai nhiệm vụ phát triển KHCN, ĐMST và CDS (thông qua việc đánh giá theo tiêu chí được ban hành tại Quyết định số 4585/QĐ-BKHHCN ngày 30/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ); Xác định rõ trách nhiệm và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng bộ phận chuyên môn, các tổ chức đoàn thể, tổ dân phố và cá nhân có liên quan từng bước hiện thực hóa mục tiêu xác định KHCN, ĐMST và CDS là đột phá quan trọng hàng đầu, động lực chủ yếu thúc đẩy phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị, phát triển kinh tế - xã hội phường xứng tầm trong kỷ nguyên mới.

2. Yêu cầu

- Tổ chức triển khai đồng bộ, thống nhất và kịp thời các nhiệm vụ theo chỉ đạo của thành phố đến các bộ phận chuyên môn, tổ dân phố, đoàn thể tại phường.

Xây dựng kế hoạch thực hiện với lộ trình rõ ràng, phân công trách nhiệm cụ thể; thường xuyên kiểm tra, giám sát, định kỳ hằng năm tổ chức đánh giá kết quả, kịp thời điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương.

- Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận chuyên môn với các tổ dân phố, đoàn thể chính trị - xã hội trong triển khai các nhiệm vụ KHCN, ĐMST và CDS trên địa bàn phường.

- Tập trung thực hiện hiệu quả, phấn đấu vượt mức các chỉ tiêu được giao thông qua việc rà soát, cải tiến quy trình công vụ, thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, hoàn thiện cơ chế, chính sách, nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp khi sử dụng dịch tại phường và hoàn thành các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của phường.

- Tăng cường công tác tập huấn ứng dụng, chuyển giao công nghệ theo chỉ đạo của UBND thành phố và các Sở, ban, ngành, nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công để phục vụ tốt nhất người dân, doanh nghiệp. Triển khai các nhiệm vụ KHCN, ĐMST và CDS, nhằm ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số toàn diện trong hoạt động quản lý điều hành của chính quyền phường, đồng thời hỗ trợ hộ kinh doanh, thanh niên, phụ nữ... tham gia khởi nghiệp, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và phát triển các mô hình kinh tế số phù hợp.

II. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ

1. Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn phường về phát triển KHCN, ĐMST và CDS

1.1. Tổ chức triển khai, quán triệt sâu sắc các nội dung của Nghị quyết số 57-NQ/TW, Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 09/6/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng; Kế hoạch số 12-KH/TU ngày 26/8/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy; Kế hoạch số 335/KH-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, Kế hoạch số 350/KH-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, Kế hoạch số 358/KH-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, Kế hoạch số 359/KH-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 08/9/2025 của UBND phường Hải An; Kế hoạch 82/KH-UBND ngày 09/9/2025 của UBND phường Hải An; Kế hoạch số 08-KH/ĐU ngày 04/9/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy phường tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của phường; Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trực tiếp chỉ đạo, chịu trách nhiệm triển khai nhiệm vụ phát triển KHCN, ĐMST và CDS; Rà soát tiêu chuẩn chức danh, bố trí phù hợp cán bộ có chuyên môn khoa

học, kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo, quản lý. Đồng thời phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, ĐMST và CDS tại địa phương (thông qua việc đánh giá theo tiêu chí được ban hành tại Quyết định số 4585/QĐ-BKHCN ngày 30/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ).

1.2. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về vai trò, lợi ích của khoa học - công nghệ, ĐMST và CDS thông qua hệ thống truyền thanh cơ sở phường, Cổng thông tin điện tử, các nhóm Zalo, mạng xã hội, pa-nô, áp phích, bảng tin tổ dân phố và các hình thức phù hợp khác nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận và thúc đẩy sự tham gia tích cực của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn phường, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình mới.

1.3. Rà soát, xây dựng và lồng ghép các tiêu chí đánh giá, xếp loại công chức, cán bộ phường trong công tác cuối năm, trong đó đưa nội dung thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, ĐMST và CDS là một tiêu chí quan trọng. Đồng thời, đưa nội dung CDS vào sinh hoạt định kỳ của các chi bộ trực thuộc và coi đây là cơ sở để đánh giá trách nhiệm, năng lực chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu các bộ phận chuyên môn.

1.4. Đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền về khoa học - công nghệ, ĐMST và CDS phù hợp với cán bộ cơ sở và các nhóm đối tượng đặc thù như học sinh trung học cơ sở, thanh niên, phụ nữ, người cao tuổi; đa dạng hóa hình thức truyền thông như tờ gấp, video ngắn, infographic, hướng dẫn, hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến, đăng nhập các hệ thống thống nhất bằng tài khoản định danh điện tử nhằm nâng cao nhận thức trong toàn hệ thống chính trị và cộng đồng dân cư, tạo sự đồng thuận và khí thế tích cực trong triển khai nhiệm vụ CDS tại địa phương.

1.5. Thường xuyên, phổ cập kiến thức KHCN, ĐMST, kỹ năng số và kỹ năng công nghệ cơ bản, hình thành phong trào "*học tập số*" cho cán bộ, công chức qua lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng công nghệ, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), phần mềm quản lý của UBND thành phố, các Sở, ban ngành triển khai, hướng dẫn; Tích cực cập nhật kiến thức mới phục vụ công tác quản lý nhà nước và lãnh đạo, quản lý ở cấp phường; Đồng thời phát động các phong trào thi đua ĐMST trong công tác chuyên môn, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, cải tiến phương thức hoạt động; Khuyến khích mỗi bộ phận, cá nhân có ít nhất một sáng kiến, giải pháp ứng dụng công nghệ trong công việc hàng năm... Qua đó, khơi dậy tinh thần tự học, sáng tạo, tự chủ, tự lực, phát huy

trí tuệ tập thể nhằm thực hiện hiệu quả nhiệm vụ phát triển khoa học - công nghệ, ĐMST và CDS tại địa phương.

1.6. Tăng cường phổ biến bộ quy tắc ứng xử trên môi trường số đối với cán bộ, công chức, đoàn thể phường; chú trọng nâng cao ý thức sử dụng mạng xã hội, đảm bảo kỷ luật, văn minh, chuẩn mực trong phát ngôn và tương tác trực tuyến.

1.7. Tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng, định hướng sử dụng mạng xã hội tích cực cho thanh thiếu niên; xây dựng nền tảng nhân lực chất lượng cao ngay từ cấp cơ sở.

2. Triển khai đầy đủ, kịp thời thể chế của Trung ương và Thành phố áp dụng tại phường; Kiến nghị các cấp có thẩm quyền tháo gỡ rào cản trong triển khai CDS, khoa học - công nghệ và ĐMST (nếu có vướng mắc); đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển KHCN, ĐMST và CDS

2.1. Triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách theo chỉ đạo của Trung ương và Thành phố, xây dựng, cập nhật, tổ chức triển khai các chương trình/kế hoạch/nhiệm vụ/đề án KHCN, ĐMST và CDS năm 2026 phù hợp với quy hoạch, chiến lược phát triển của Thành phố, phục vụ thúc đẩy phát triển KHCN, ĐMST và CDS.

2.2. Rà soát, đánh giá thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin và các nền tảng số trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và quản lý nội bộ của hệ thống chính trị phường; Đảm bảo hoạt động quản lý, điều hành của phường thông suốt, hiệu quả, thích ứng nhanh với yêu cầu sau sắp xếp đơn vị hành chính.

2.3. Rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị; Chủ động phối hợp với các sở, ngành thành phố trong công tác rà soát hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến khoa học, công nghệ, ĐMST và CDS; Kịp thời tổng hợp những khó khăn, vướng mắc từ thực tiễn địa phương để kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai hiệu quả các nhiệm vụ; Đề xuất các cơ chế, chính sách phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ sở, nhằm hỗ trợ triển khai hiệu quả các mô hình CDS cấp phường; Tập trung vào các nội dung: nâng cao năng lực cán bộ về quản lý nhà nước về KHCN, ĐMST và CDS, đầu tư hạ tầng số thiết yếu, số hóa quy trình thủ tục, áp dụng công nghệ vào cung cấp dịch vụ công, quản lý đô thị và thúc đẩy kinh tế số địa phương.

2.4. Triển khai chương trình phối hợp giữa phường với doanh nghiệp và các tổ chức trên địa bàn nhằm đưa ứng dụng công nghệ, kết quả nghiên cứu, sáng kiến ĐMST vào hoạt động sản xuất, kinh doanh và phục vụ cộng đồng. Phối hợp

triển khai Chiến lược phát triển hạ tầng số, ứng dụng và dịch vụ số tại địa phương, tập trung vào nâng cấp hạ tầng CNTT cơ bản, mở rộng dịch vụ số phục vụ người dân, kết nối cơ sở dữ liệu chuyên ngành và đảm bảo đồng bộ với hệ thống thành phố.

2.5. Bố trí, lồng ghép nguồn lực ngân sách cho các nhiệm vụ KHCN, ĐMST và CDS năm 2026.

3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho KHCN, ĐMST và CDS

3.1. Triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách, chương trình, kế hoạch phát triển công nghệ, công nghiệp chiến lược và chuyển đổi số; Xây dựng, cập nhật các chương trình chuyển đổi số theo lộ trình trung và dài hạn, gắn với quy hoạch và chiến lược phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, an toàn.

3.2. Cân đối ngân sách của địa phương, bố trí kinh phí cho hoạt động KHCN, ĐMST và CDS; Triển khai các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước bảo đảm tuân thủ quy định tại Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 05/9/2019, Nghị định 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ và các quy định của pháp luật.

3.3. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các doanh nghiệp và các đơn vị liên quan triển khai hạ tầng số, hạ tầng viễn thông, Internet, dữ liệu và năng lượng phục vụ CDS và phát triển KHCN, ĐMST, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và ứng dụng công nghệ thông tin của phường (bám sát hướng dẫn tại Văn bản số 4577/BKHCN-CĐSQG ngày 11/9/2025 của Bộ KHCN); Phối hợp triển khai nhiệm vụ phát triển hạ tầng tiện ích số, hạ tầng viễn thông băng rộng, 5G.

3.4. Chủ trì rà soát, bổ sung đầu tư, nâng cấp trang thiết bị, đường truyền mạng nội bộ, hệ thống máy tính, máy in, thiết bị số hóa... phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trong cơ quan nhà nước và cung cấp dịch vụ tốt nhất cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn phường; Tăng cường xã hội hoá, vận động các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn hỗ trợ trang thiết bị, kết nối mạng hoặc hợp tác triển khai các giải pháp ứng dụng công nghệ phục vụ nhân dân, nhất là tại các tổ dân phố, tổ công nghệ số cộng đồng

3.5. Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất các giải pháp phát triển lĩnh vực công nghiệp văn hóa, công nghiệp văn hóa số, xây dựng sản phẩm du lịch số, hệ sinh thái du lịch thông minh.

3.6. Thực hiện các nhiệm vụ theo chỉ đạo, kế hoạch của Thành phố nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế số, xã hội số và chuyển đổi số các ngành, lĩnh vực khu công nghiệp theo hướng thông minh; khai thác, kết nối, chia sẻ hiệu quả các

cơ sở dữ liệu; thúc đẩy mở dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn trong quản lý nhà nước và các lĩnh vực kinh tế - xã hội; ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hành chính công, khoa học công nghệ và chuyển đổi số; thúc đẩy ứng dụng AI nhằm nâng cao năng suất lao động, hiệu quả quản lý, đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội, hướng tới hình thành xã hội số thông minh tại phường;

3.7. Nghiên cứu đề xuất thành phố các dự án đầu tư công về phát triển khoa học, công nghệ, ĐMS, CDS trong giai đoạn 2026 - 2030 và các giai đoạn tiếp theo trên địa bàn. Đề xuất nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin và thúc đẩy CDS, phát triển hệ sinh thái ĐMST tại các cơ sở giáo dục và đào tạo nhằm xây dựng nền tảng vững chắc cho cho nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực số.

3.8. Rà soát bổ sung thiết bị đầy đủ để triển khai các phương án đảm bảo an toàn thông tin theo quyết định phê duyệt cấp độ và các quy định về an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân Ưu tiên sử dụng sản phẩm, giải pháp an toàn thông tin “Make in Viet Nam”.

4. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, ĐMST và CDS

4.1. Triển khai đầy đủ, kịp thời các Nghị quyết về cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài thành phố Hải Phòng.

4.2. Bố trí, phân công cán bộ tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, hướng dẫn bồi dưỡng chuyên ngành của các Sở, ngành triển khai theo chỉ đạo của UBND thành phố; Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, kiến thức ATTT, KHCCN, ĐMST và CDS cho cán bộ, công chức, viên chức; Lồng ghép nội dung chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo trong tập huấn, hướng dẫn trong các cơ quan, tổ chức như y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao tài nguyên, môi trường, công an, quân sự, thuế, bảo hiểm xã hội,...; Triển khai phong trào “*Học tập số*”, “*Bình dân học vụ số*”, “*Công dân số*”, “*Tổ dân phố số*” nhằm phổ cập kỹ năng số cơ bản cho người dân trên địa bàn thông qua mạng lưới Tổ công nghệ số cộng đồng hướng dẫn tận tình theo phương châm “*lấy người dân làm trung tâm*”, “*đi từng ngõ, gõ từng nhà*”, “*bắt tay chỉ việc*”, “*làm mẫu cho người dân*” (sử dụng dịch vụ công trực tuyến, mua bán các sản phẩm, dịch vụ qua mạng, thanh toán không dùng tiền mặt, các dịch vụ thiết yếu phục vụ cuộc sống về y tế, giáo dục, liên lạc, đi lại, du lịch, đọc sách, giải trí..., áp dụng các giải pháp an toàn, bảo mật thông tin cơ bản để tự bảo vệ mình và bảo vệ dữ liệu cá nhân trên không gian mạng).

4.3. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức và kỹ năng số cho nhân dân thông qua các hình thức đa dạng như hệ thống phát thanh phường, nền tảng số, mạng xã hội và hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng; Từng bước nâng cao nhận thức, hình thành thói quen sử dụng công nghệ trong đời sống, sản xuất và tiếp cận dịch vụ công; Tuyên truyền các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn phường về ứng dụng công nghệ số trong quản lý, điều hành, phát triển tổ chức.

4.5. Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật, nâng cao nhận thức của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân về năng suất, chất lượng, hoạt động đo lường nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước tại phường; Tuyên truyền, vận động, giới thiệu lực lượng trẻ có năng lực, đam mê công nghệ tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, hỗ trợ khởi nghiệp, CDS do thành phố tổ chức.

4.6. Phối hợp cập nhật cơ sở dữ liệu nhân lực KHCN, ĐMST và CDS, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành phục vụ công tác quản lý, dự báo và đào tạo.

5. Đẩy mạnh CDS, ứng dụng KHCN, ĐMST trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh.

5.1. Triển khai hiệu quả chương trình, kế hoạch phát triển Chính quyền số; giao người đứng đầu các đơn vị trực tiếp phụ trách, lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, ĐMST và CDS tại địa phương; Định kỳ đo lường, công bố kết quả và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ gắn với kết quả phát triển Chính quyền số (thông qua việc đánh giá theo tiêu chí được ban hành tại Quyết định số 4585/QĐ-BKHHCN ngày 30/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ);

5.2. Đẩy mạnh ứng dụng KHCN, dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo trong chỉ đạo, điều hành, hỗ trợ ra quyết định; thực hiện quản trị, điều hành trực tuyến dựa trên dữ liệu; tăng cường giám sát, cảnh báo sớm, phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; bảo đảm liên thông, đồng bộ, an toàn thông tin trong toàn hệ thống chính trị tại địa phương.

5.3. Phối hợp, triển khai Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống điều phối, giải quyết thủ tục hành chính và hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh; Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; Phát triển các nền tảng số an toàn, tiện ích, cá nhân hóa dịch vụ cho người dân, doanh nghiệp; Phổ cập các dịch vụ số thiết yếu, tăng cường giải pháp bảo vệ người

dân trên không gian mạng, xây dựng niềm tin số.

5.4. Phối hợp, triển khai nền tảng số và hạ tầng dữ liệu dùng chung, tích hợp, liên thông các cơ sở dữ liệu theo định hướng, chỉ đạo của UBND thành phố; Phối hợp với Sở, ngành của thành phố rà soát, chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ, biểu mẫu, chế độ báo cáo trên môi trường mạng, thực hiện số hóa hồ sơ, biểu mẫu, báo cáo, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của UBND phường trên môi trường mạng nội bộ, gắn với phần mềm dùng chung của thành phố, đảm bảo công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, thông tin, báo cáo và phối hợp giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị được thực hiện hiệu quả, thông suốt trên môi trường mạng; Triển khai các nền tảng số thông minh trong các ngành, lĩnh vực, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số; Vận hành, khai thác hiệu quả hệ thống thông tin dùng chung, chuyên ngành của thành phố và các cơ quan, đơn vị.

5.5. Phối hợp với các Sở, ban ngành cung cấp thông tin chuyên ngành cập nhật lên hệ thống IOC thành phố; Triển khai ứng dụng công nghệ số trong xử lý công việc nội bộ, quản lý hành chính công; Đẩy mạnh chuyển đổi số trong các lĩnh vực trọng điểm: du lịch, di sản văn hóa, ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến và chuỗi giá trị...; Cung cấp thông tin xây dựng các hệ thống, nền tảng số phục vụ giám sát môi trường, tài nguyên, giao thông thông minh, ứng phó biến đổi khí hậu của thành phố; Phối hợp vận động các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn hỗ trợ trang thiết bị, phần mềm, giải pháp công nghệ phục vụ hoạt động công vụ, giám sát môi trường, quảng bá du lịch địa phương

5.6. Thường xuyên phối hợp với Công an thành phố, tăng cường giám sát, bảo đảm an toàn, an ninh mạng; kịp thời phát hiện, ứng cứu sự cố, ngăn chặn tội phạm mạng, các hành vi lợi dụng không gian mạng; củng cố lực lượng nòng cốt về an toàn, an ninh mạng; ứng dụng công nghệ số, công nghệ quốc phòng mới trong chỉ huy, điều hành, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh trên không gian mạng.

5.7. Đẩy mạnh tuyên truyền về chính quyền số thông qua các kênh: phát thanh phường, mạng xã hội, website, Zalo, Facebook và tổ công nghệ số cộng đồng; nâng cao hiểu biết và kỹ năng số cho cán bộ, nhân dân.

5.8. Ứng dụng CNTT, CDS trong công tác quản lý dữ liệu dân cư (theo dõi, thống kê dân cư, quản lý tổ dân phố, dữ liệu phản ánh hiện trường, giám sát an ninh, trật tự...); Trong quản lý văn hóa, thể thao, du lịch: triển khai các hoạt động số hóa di tích, danh lam thắng cảnh, phát triển du lịch thông minh trên địa bàn phường Hải An; Trong triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc các sản phẩm công nghiệp theo hướng dẫn Sở Công thương; Trong giáo dục

và đào tạo, xây dựng nền tảng học tập số, số hóa trường học; Trong điều hành tác nghiệp, quản lý công việc trên hệ thống IOC của thành phố, trợ lý ảo cho cán bộ, công chức và người dân.

5.9. Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ, biểu mẫu, chế độ báo cáo trên môi trường mạng, thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước. Hoàn thiện các quy trình, thủ tục hành chính phù hợp với hoạt động của chính quyền số, cắt giảm tối đa giao dịch trực tiếp.

5.10. Triển khai các nhiệm vụ tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng góp phần nâng cao năng suất chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế; Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về năng suất, chất lượng và các kinh nghiệm điển hình cải tiến năng suất, chất lượng; về hoạt động đo lường đến các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trên địa bàn phường nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đo lường.

6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động KHCN, ĐMST và CDS trong doanh nghiệp

6.1. Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn về vai trò, lợi ích của việc ứng dụng CNTT, CDS, thương mại điện tử và ĐMST trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Triển khai chương trình thúc đẩy, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, hộ kinh doanh hiện diện trực tuyến tin cậy, an toàn với các dịch vụ số sử dụng tên miền quốc gia “.vn”.

6.2. Phối hợp với các Sở, ban ngành thành phố và đơn vị chuyên môn tổ chức tập huấn, hướng dẫn doanh nghiệp, hộ kinh doanh sử dụng các nền tảng số như: hóa đơn điện tử, thanh toán không tiền mặt, sàn thương mại điện tử, định danh điện tử trong giao dịch trực tuyến; Phối hợp triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với công nghệ, mô hình kinh doanh mới.

6.3. Khuyến khích các cơ sở kinh doanh du lịch, dịch vụ, thủy sản, lưu trú... ứng dụng công nghệ trong quảng bá, đặt dịch vụ trực tuyến, phản hồi khách hàng, nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và tiếp cận thị trường rộng hơn.

6.4. Hướng dẫn các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tham gia các chương trình hỗ trợ khởi nghiệp, ĐMST do thành phố tổ chức, tạo điều kiện thuận lợi trong tiếp cận thông tin, thủ tục hành chính, đăng ký dịch vụ công trực tuyến; Rà soát, lựa chọn và giới thiệu tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh có nhu cầu, tiềm năng để tham gia chương trình hỗ trợ nâng cao năng suất chất lượng và lựa chọn các sản phẩm, hàng hóa tham gia hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn phường.

7. Tăng cường hợp tác trong phát triển KHCN, ĐMST và CDS

7.1. Phối hợp với doanh nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn xây dựng các chương trình phối hợp về tuyên truyền, tập huấn kỹ năng số, giới thiệu giải pháp công nghệ phù hợp với người dân, tổ dân phố và hộ kinh doanh. Huy động các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tham gia hỗ trợ triển khai mô hình CDS cộng đồng, ứng dụng công nghệ trong dịch vụ công, quản lý dân cư, xử lý phản ánh hiện trường và quảng bá du lịch.

7.2. Tìm kiếm, thiết lập kênh kết nối, trao đổi kinh nghiệm với các phường, xã khác trong thành phố để chia sẻ mô hình hay, cách làm hiệu quả trong công tác CDS, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý.

7.4. Hợp tác với doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn và các đơn vị liên quan tuyên truyền quảng bá hình ảnh KHCN, thành tựu KHCN, phối hợp triển khai chương trình tập huấn, hướng dẫn về kiến thức KHCN, ĐMST, CNTT và CDS đến cán bộ, người lao động tại cơ sở giáo dục, y tế; Phối hợp với các tổ chức Đảng, Đoàn thể triển khai chương trình tập huấn, hướng dẫn về kỹ năng số cơ bản đến đội ngũ giáo viên, học sinh các cơ sở giáo dục trên địa bàn phường.

7.5. Hợp tác với các địa phương, đơn vị giải quyết thủ tục hành chính (thuộc phạm vi, chức năng quản lý) thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi thành phố.

7.6. Tăng cường hợp tác, triển khai các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước bảo đảm tuân thủ quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019, Nghị định 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ (*chi tiết tại Phụ lục 5 kèm theo*).

8. Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp

- Văn bản chỉ đạo của Trung ương và thành phố: Kết luận số 312-KL/TU ngày 15/02/2024 của Ban chấp hành Đảng bộ thành phố về tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 16/5/2013 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khoá XIV về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế thành phố Hải Phòng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 26/10/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy về CDS thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 26/10/2021 của của Ban Thường vụ Thành ủy; Kế hoạch số 110/KH-UBND thực hiện Kết luận số 69-KL/TW của Bộ Chính trị và Kết luận số 312-KL/TU ngày

15/02/2024 của Ban chấp hành Đảng bộ thành phố; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Nghị quyết 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW; Nghị quyết 193/2025/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch hành động số 12-KH/TU ngày 26/8/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 09/6/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc “Thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển KHCN, ĐMST và CDS quốc gia; Kế hoạch số 335/KH-UBND ngày 18/12/2025 của UBND thành phố về tổng thể nâng cao năng suất và chất lượng dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của thành phố Hải Phòng giao đoạn 2026-2030; Kế hoạch số 350/KH-UBND ngày 30/12/2025 của UBND thành phố về Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng năm 2026; Kế hoạch số 358/KH-UBND ngày 31/12/2025 của UBND thành phố về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia năm 2026; Kế hoạch số 359/KH-UBND ngày 31/12/2025 của UBND thành phố Kế hoạch Chuyển đổi số thành phố Hải Phòng năm 2026.

- Văn bản triển khai của địa phương: Kế hoạch số 08-KH/ĐU ngày 04/9/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 08/9/2025 của UBND phường Hải An về thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn phường Hải An; Kế hoạch 82/KH-UBND ngày 09/9/2025 của UBND phường Hải An về ứng dụng công nghệ thông tin và Chuyển đổi số 6 tháng cuối năm 2025.

III. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

Ủy ban nhân dân phường phân công nhiệm vụ cụ thể cho các phòng chuyên môn, các cơ quan, đơn vị thực hiện Kế hoạch (*các Phụ lục 1, 2, 3, 4 kèm theo*).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Kế hoạch, các phòng quản lý nhà nước, các cơ quan chuyên môn, tổ dân phố và các đơn vị có liên quan trên địa bàn phường Hải An chủ động xây dựng, ban hành văn bản, kế hoạch triển khai nhiệm vụ được giao theo chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tiễn của địa phương.

2. Giao Phòng Văn hóa - Xã hội phường: Là cơ quan đầu mối, chủ trì tham mưu giúp UBND phường triển khai thực hiện Kế hoạch; Phối hợp với các đơn vị liên quan theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ trong kế hoạch; Định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND phường và đề xuất UBND thành phố (*thông qua Sở Khoa học và Công nghệ*) theo quy định.

3. Trong quá trình triển khai, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung, các bộ phận chuyên môn, cơ quan, đơn vị, tổ dân phố kịp thời tổng hợp, báo cáo UBND phường (qua Phòng Văn hóa - Xã hội phường để tổng hợp) xem xét, giải quyết hoặc kiến nghị cấp trên theo thẩm quyền.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của UBND phường Hải An năm 2026, đề nghị các đơn vị, cá nhân liên quan triển khai thực hiện và hoàn thành kế hoạch./.

Nơi nhận:

- UBND TP (để b/c);
- Sở KH-CN (để b/c);
- Thường trực Đảng ủy phường (để b/c);
- Thường trực HĐND phường;
- Các đ/c UVBTV Đảng ủy phường;
- Chủ tịch, các PCT UBND phường;
- Ủy ban MTTQ phường;
- Các phòng, ban chuyên môn thuộc phường;
- Trung tâm PVHCC, TT Dịch vụ sự nghiệp công;
- Công an phường;
- Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn;
- Các tổ dân phố trên địa bàn phường;
- Lưu: VT phường, VHXX

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Cao Huy Hiếu

Phụ lục 1:
CÁC CHỈ TIÊU THEO DỐI ĐÁNH GIÁ NĂM 2026
(Kèm theo Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 16/01/2026 của UBND phường Hải An)

STT	Chỉ tiêu	Kết quả 2025	Năm 2026	Phân công chỉ đạo	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
I.	Phát triển hạ tầng				
1	Tỷ lệ phủ sóng 5G trong khu đô thị trên địa bàn phường	≥60%	100%	Đồng chí Bùi Quang Ngân-ĐUV, Phó Chủ tịch UBND phường	Phòng Văn hóa Xã hội phường
2	Tỷ lệ phủ sóng 5G tại các điểm du lịch trên địa bàn	100%	100%	Đồng chí Bùi Quang Ngân-ĐUV, Phó Chủ tịch UBND phường	Phòng Văn hóa Xã hội phường
3	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng thông rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps/s.	≥60%	100%	Đồng chí Bùi Quang Ngân-ĐUV, Phó Chủ tịch UBND phường	Phòng Văn hóa Xã hội phường
4	Tỷ lệ phủ sóng 6G tại khu công nghiệp, cảng biển, cảng hàng không trên địa bàn phường	-	-	Đồng chí Bùi Quang Ngân-ĐUV, Phó Chủ tịch UBND phường	Phòng Văn hóa Xã hội phường
5	Tỉ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn	-	-	Đồng chí Bùi Quang Ngân-ĐUV, Phó Chủ tịch UBND phường	Phòng Văn hóa Xã hội phường
II.	Phát triển nguồn lực				
6	Tỉ lệ chi cho KHCN, ĐMST, CDS trong tổng chi ngân sách phường	0,47%	phần đầu ít nhất 3%	Đồng chí Vũ Doãn Dũng - ĐUV, Phó Chủ tịch UBND phường	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị
7	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.	80%	100%	Đồng chí Bùi Quang Ngân-ĐUV, Phó Chủ tịch UBND phường	Phòng Văn hóa Xã hội phường
8	Tỷ lệ cán bộ, công chức phường được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.	<u>100%</u>	100%	Đồng chí Bùi Quang Ngân-ĐUV, Phó Chủ tịch UBND phường	Phòng Văn hóa Xã hội phường
9	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông. (sử dụng sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên VneID, thẻ bảo hiểm y tế tích hợp VneID, sổ điểm, học bạ số	80%	90%	Đồng chí Bùi Quang Ngân-ĐUV, Phó Chủ tịch UBND phường	Phòng Văn hóa Xã hội phường

STT	Chỉ tiêu	Kết quả 2025	Năm 2026	Phân công chỉ đạo	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
10	Tỷ lệ dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số...)	-	-	Đồng chí Bùi Quang Ngân-ĐUV, Phó Chủ tịch UBND phường	Phòng Văn hóa Xã hội phường
11	Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông thường xuyên đánh giá mức độ chuyển đổi số đạt mức 2 trở lên	<u>100%</u>	<u>100%</u>	Đồng chí Bùi Quang Ngân-ĐUV, Phó Chủ tịch UBND phường	Phòng Văn hóa Xã hội phường
12	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục mầm non và các cơ quan quản lý giáo dục đánh giá mức độ chuyển đổi số đạt mức 2 trở lên	?	<u>100%</u>	Đồng chí Bùi Quang Ngân-ĐUV, Phó Chủ tịch UBND phường	Phòng Văn hóa Xã hội phường
13	Tỷ lệ cơ sở giáo dục triển khai ký số trên các hệ thống sổ sách, sổ điểm, học bạ số; cơ sở giáo dục triển khai ký số trên các hệ thống sổ sách, sổ điểm, học bạ số	?	100%	Đồng chí Bùi Quang Ngân-ĐUV, Phó Chủ tịch UBND phường	Phòng Văn hóa Xã hội phường
14	Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học	<u>100%</u>	100%	Đồng chí Bùi Quang Ngân-ĐUV, Phó Chủ tịch UBND phường	Phòng Văn hóa Xã hội phường
15	Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông triển khai các chương trình giảng dạy về kỹ năng số cho học sinh (học viên) phù hợp với quy định của Bộ GDĐT quy định tại thông tư số 02/2025/TT - BGDĐT ngày 24/01/2025 về Khung năng lực số cho người học	-	100%	Đồng chí Bùi Quang Ngân-ĐUV, Phó Chủ tịch UBND phường	Phòng Văn hóa Xã hội phường
16	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo vào các môn học và hoạt động giáo dục	-	≥ 95%	Đồng chí Bùi Quang Ngân-ĐUV, Phó Chủ tịch UBND phường	Phòng Văn hóa Xã hội phường
17	Tỷ lệ cơ sở giáo dục trung học có tổ chức câu lạc bộ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo hoạt động thường xuyên.	-	≥ 85%	Đồng chí Bùi Quang Ngân-ĐUV, Phó Chủ tịch UBND phường	Phòng Văn hóa Xã hội phường
III.	Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo				
18	Số lượng sáng kiến trong khu vực công được công nhận/năm	-	-	Đồng chí Bùi Quang Ngân-ĐUV, Phó Chủ tịch UBND phường	Phòng Văn hóa Xã hội phường

STT	Chỉ tiêu	Kết quả 2025	Năm 2026	Phân công chỉ đạo	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
III.	Phát triển chuyên đổi số				
19	Chỉ số chuyển đổi số phường	$\geq 0,77$	$\geq 0,8$	Đồng chí Bùi Quang Ngân-ĐUV, Phó Chủ tịch UBND phường	Phòng Văn hóa Xã hội phường
20	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền.	$\geq 70\%$	100%	Đồng chí Bùi Quang Ngân-ĐUV, Phó Chủ tịch UBND phường	Trung tâm Phục vụ Hành chính công và các phòng, đơn vị liên quan
21	Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.	100%	100%	Đồng chí Bùi Quang Ngân-ĐUV, Phó Chủ tịch UBND phường	Trung tâm Phục vụ Hành chính công và các phòng, đơn vị liên quan
22	Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.	$\geq 90\%$	100%	Đồng chí Bùi Quang Ngân-ĐUV, Phó Chủ tịch UBND phường	Trung tâm Phục vụ Hành chính công và các phòng, đơn vị liên quan
23	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.	<u>100%</u>	100%	Đồng chí Bùi Quang Ngân-ĐUV, Phó Chủ tịch UBND phường	Trung tâm Phục vụ Hành chính công và các phòng, đơn vị liên quan
24	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.	100%	100%	Đồng chí Bùi Quang Ngân-ĐUV, Phó Chủ tịch UBND phường	Trung tâm Phục vụ Hành chính công và các phòng, đơn vị liên quan
25	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.	<u>100%</u>	<u>100%</u>	Đồng chí Bùi Quang Ngân-ĐUV, Phó Chủ tịch UBND phường	Trung tâm Phục vụ Hành chính công và các phòng, đơn vị liên quan
26	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.	$\geq 30\%$	60%	Đồng chí Vũ Doãn Dũng – ĐUV, Phó Chủ tịch UBND phường	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị
27	Tỷ lệ người dân có chữ ký số	-	$\geq 10\%$	Đồng chí Bùi Quang Ngân-ĐUV, Phó Chủ tịch UBND phường	Công an phường
28	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID),	$\geq 70\%$	85%	Đồng chí Bùi Quang Ngân-ĐUV, Phó Chủ tịch UBND phường	Công an phường
29	Đảng ủy, chính quyền phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.	$\geq 60\%$	90%	Đồng chí Cao Huy Hiếu-UVBTV, Chủ tịch UBND phường	Văn phòng Đảng ủy, Văn phòng HĐND và UBND phường

Phụ lục 2
CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ THEO NGHỊ QUYẾT 71/NQ-CP ĐẾN NĂM 2030
(Kèm theo Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 16/01/2026 của UBND phường Hải An)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
I	Chỉ tiêu về thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công và chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử			
1	Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp	%	≥ 80	Trung tâm PV Hành chính công
2	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	%	100	Trung tâm PV Hành chính công
3	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	%	100	Trung tâm PV Hành chính công
4	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	80	Trung tâm PV Hành chính công
5	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	80	Trung tâm PV Hành chính công
6	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của cơ quan hành chính nhà nước	%	100	Văn phòng HĐND &UBND phường
7	Tỷ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử	%	100	Văn phòng HĐND &UBND phường
8	Tỷ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử	%	100	Văn phòng HĐND &UBND phường
II	Hạ tầng số			
1	Chi ngân sách hằng năm cho phát triển KHCN, ĐMST, CDS quốc gia	% tổng chi NSNN	Phấn đấu đạt 3%	Phòng Kinh tế, Hạ tầng, Đô thị
2	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s.	%	100%	Phòng Văn hóa -Xã hội
3	Phủ sóng 5G cho người dân	% dân số	100%	Phòng Văn hóa -Xã hội
4	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	%	≥ 70	Phòng Văn hóa -Xã hội
5	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử	%	≥ 95	Phòng Văn hóa -Xã hội
III	Các chỉ tiêu về giáo dục và đào tạo			
1	Cơ sở giáo dục triển khai ký số trên các hệ thống sổ sách, sổ điểm, học bạ số	%	100	Phòng Văn hóa -Xã hội
2	Cơ sở giáo dục trung học có tổ chức câu lạc bộ khởi nghiệp và ĐMST hoạt động thường xuyên.	%	85%	Phòng Văn hóa -Xã hội

Phụ lục 3:**PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CHUNG THEO NHIỆM VỤ TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 71/NQ-CP***(Kèm theo Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 16/01/2026 của UBND phường Hải An)*

TT	Tên nhiệm vụ (Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024)	Nhiệm vụ tương ứng (Nghị quyết 71 và các Thông báo kết luận Phiên họp BCĐTW)	TT trong NQ 71	Đơn vị chủ trì, theo dõi đánh giá	Kết quả cần đạt	Thời gian hoàn hành
I	NÂNG CAO NHẬN THỨC, ĐỘT PHÁ VỀ ĐỔI MỚI TƯ DUY, XÁC ĐỊNH QUYẾT TÂM CHÍNH TRỊ MẠNH MẼ, QUYẾT LIỆT LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, TẠO XUNG LỰC MỚI, KHÍ THỂ MỚI TRONG TOÀN XÃ HỘI VỀ PHÁT TRIỂN KHCN, ĐMST VÀ CDS QUỐC GIA					
1	Nhiệm vụ CDS, phát triển KHCN, ĐMST được xác định cụ thể trong chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương; kết quả thực hiện là tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá thi đua, khen thưởng hàng năm.	Cụ thể hóa nhiệm vụ CDS, phát triển KHCN, ĐMST trong chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị	6	UBND phường, các cơ quan chuyên môn	Kế hoạch công tác	Thường xuyên
2	Bố trí phù hợp số lượng cán bộ có trình độ chuyên môn khoa học kỹ thuật trong cấp ủy các cấp.	Phân đầu bố trí tỷ lệ phù hợp cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo cơ quan, đơn vị nhà nước.	9	Đảng ủy, UBND phường, các cơ quan chuyên môn	Tỷ lệ cụ thể từng năm	Thường xuyên
II	KHẨN TRƯỞNG QUYẾT LIỆT HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, XÓA BỎ MỌI TƯ TƯỞNG, QUAN NIỆM, RÀO CẢN ĐANG CẢN TRỞ SỰ PHÁT TRIỂN, ĐƯA THỂ CHẾ THÀNH MỘT LỢI THỂ CẠNH TRANH TRONG PHÁT TRIỂN KHCN, ĐMST VÀ CDS					
1	Phối hợp với Sở ngành thành phố sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật... đơn giản hoá tối đa các thủ tục hành chính	Hoàn thành số hóa quy trình nghiệp vụ nội bộ, hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực liên quan đến người dân, doanh nghiệp, hoạt động công vụ; tái sử dụng 100% dữ liệu đã số hóa để cắt giảm tối đa thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp	48	UBND phường, các cơ quan chuyên môn, TT PVHCC	Hoàn thành số hóa	Thường xuyên
2		Đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nhất là các thủ tục liên quan đến cư trú, hộ tịch, giấy phép lái xe, đất đai, doanh nghiệp, triển khai tiếp cận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi thành phố	49	UBND phường, các cơ quan chuyên môn, TT PVHCC	Thủ tục hành chính được tái cấu trúc, đơn giản hóa quy trình	Thường xuyên

Phụ lục 4:
PHÂN CÔNG CÁC NHIỆM VỤ KHÁC
(Kèm theo Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 16/01/2026 của UBND phường Hải An)

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
I	Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn phường về phát triển KHCN, ĐMST và CDS				
1	Công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng	Phòng Văn hóa -Xã hội, Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công	Các cơ quan chuyên môn, các đơn vị trực thuộc UBND phường	Bản tin, clip, phóng sự	Hàng năm
2	Rà soát, tham mưu UBND phường về tiêu chí xếp loại và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của người đứng đầu, trong đó, quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ về phát triển KHCN, ĐMST và CDS tại thành phố (tham mưu triển khai, đánh giá theo tiêu chí được ban hành tại Quyết định số 4585/QĐ-BKHCN ngày 30/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Phòng Văn hóa -Xã hội	Các cơ quan chuyên môn, các đơn vị trực thuộc UBND phường	Quy tắc/ quy chế	Hàng năm
3	Xây dựng và đổi mới chương trình tuyên truyền, giáo dục hiệu quả để nâng cao nhận thức, quyết tâm, phát triển KHCN và ĐMST, thực hiện CDS trong cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp, tạo niềm tin, khí thế mới trong xã hội. Xây dựng tài liệu tuyên truyền về khoa học - công nghệ, ĐMST, CDS dưới dạng dễ tiếp cận (video, infographic...) và đa dạng các hình thức tuyên truyền (mạng xã hội, website...)"	Phòng Văn hóa -Xã hội, Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công	Các cơ quan chuyên môn, các đơn vị trực thuộc UBND phường	Kế hoạch, Tài liệu tuyên truyền	Hàng năm
4	Tham gia các lớp “học tập số”, phổ cập, nâng cao kiến thức KHCN, kiến thức số trong cán bộ, công chức và Nhân dân; các phong trào khởi nghiệp, sáng tạo, cải tiến nâng cao hiệu quả công việc, năng suất lao động, khơi dậy tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, phát huy trí tuệ góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KHCN, ĐMST và CDS.	Phòng Văn hóa -Xã hội	Các cơ quan chuyên môn, các đơn vị trực thuộc UBND phường	Kế hoạch, Lớp học	Hàng năm

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
5	Tham gia các lớp học tập huấn, bồi dưỡng ứng dụng trí tuệ nhân tạo (A.I) trong công tác quản lý nhà nước cho các cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể.	Phòng Văn hóa -Xã hội	Các cơ quan chuyên môn, các đơn vị trực thuộc UBND phường	Kế hoạch, Lớp học	Hàng năm
6	Xây dựng quy tắc ứng xử trên môi trường số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động khác	Phòng Văn hóa -Xã hội	Các cơ quan chuyên môn, các đơn vị trực thuộc UBND phường	Quy tắc	Tháng 12/2025
7	Tăng cường công tác quản lý, giáo dục chính trị tư tưởng thông qua việc chia sẻ, tập huấn, hướng dẫn, bồi dưỡng kiến thức về KHCN, ĐMST và CDS, ATTT đối với người dân (đặc biệt là đối tượng trẻ tuổi như học sinh, học viên, thanh niên) thông qua các nền tảng số trên môi trường mạng góp phần xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao	Phòng Văn hóa -Xã hội	Các cơ quan chuyên môn, các đơn vị trực thuộc UBND phường; Tổ Công nghệ số cộng đồng; Các trường học; Các cơ quan, đoàn thể	Kế hoạch, Lớp học	Hàng năm
II	Đẩy mạnh CDS, ứng dụng KHCN, ĐMST trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh				
9	Phối hợp với sở ngành thành phố trong việc chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ, biểu mẫu, chế độ báo cáo trên môi trường mạng, thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước. Hoàn thiện các quy trình, thủ tục hành chính phù hợp với hoạt động của chính quyền số, cắt giảm tối đa giao dịch trực tiếp	Các cơ quan chuyên môn, các đơn vị trực thuộc UBND phường		Báo cáo	Hàng năm
10	Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại Kết luận số 312-KL/TU ngày 15/02/2024; Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 26/10/2021; Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 24/01/2022; Kế hoạch số 110/KH-UBND ngày 24/4/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng	Các cơ quan chuyên môn, các đơn vị trực thuộc UBND phường	Các cơ quan chuyên môn, các đơn vị trực thuộc UBND phường	Báo cáo/Kế hoạch/Số liệu	Theo thời gian tại các Nghị quyết, Quyết định, Kế hoạch đã phê duyệt
11	Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về năng suất, chất lượng và các kinh nghiệm điển hình cải tiến năng suất, chất lượng; về hoạt động đo lường đến các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trên địa bàn phường nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đo lường	Phòng Văn hóa -Xã hội	Phòng KTHT&ĐT, các đơn vị trực thuộc UBND phường	Báo cáo/Kế hoạch/Số liệu	Hàng năm

Phụ lục 5:
CÁC NHIỆM VỤ CHUYÊN ĐỔI SỐ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NĂM 2026
(Kèm theo Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 16/01/2026 của UBND phường Hải An)

TT	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp
I	NGUỒN CHI ĐẦU TƯ CÔNG		
1	Dự án thực hiện các Nhiệm vụ Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (Số hóa AR/VR các di tích lịch sử, xây dựng phòng học thông minh, đầu tư mua sắm thiết bị và phần mềm)	Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công	Phòng Văn hóa - Xã hội, Phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị, Văn phòng HĐND&UBND
II	NGUỒN KINH PHÍ THƯỜNG XUYÊN		
1	Tổ chức hội nghị tuyên truyền phổ biến kiến thức, truyền thông, hoạt động thông tin, thống kê, thư viện và đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ	Phòng Văn hóa - Xã hội	Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công, Tổ Công nghệ số cộng đồng và các cơ quan, đơn vị liên quan
2	Tài liệu, ấn phẩm tuyên truyền (áp phích, video, tờ rơi...)	Phòng Văn hóa - Xã hội	Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công và các cơ quan, đơn vị liên quan
3	Chi hỗ trợ tổ chức đoàn đi học tập, trao đổi kinh nghiệm mô hình CCHC, quản lý hoạt động KHCN & CDS tại một số địa phương làm tốt công tác CCHC, KHCN&CDS	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng QLNN và các cơ quan, đơn vị liên quan
4	Tập huấn AI và Chuyển đổi số	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng QLNN và các cơ quan, đơn vị liên quan